

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2022

V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ
2. Ông Đinh Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Số 48/4/4 Hoàng Hoa Thám, tổ 15, khu 3, phường Ph, thành phố Th, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lê Châu B, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/01/2022, bản tự khai ngày 04/3/2022, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 18/3/2022, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông B sống chung với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố Th, tỉnh B vào ngày 24/01/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01/2013.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc từ ngày cưới cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó đến nay càng ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể sống hòa thuận và hạnh phúc được nữa nên hai bên không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung hai người không có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau. Tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên bà H muốn ly hôn với ông Bình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái B1, sinh ngày 24/11/2014. Trong đơn xin ly hôn ngày 04/01/2022, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại buổi hòa giải, bà H xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn:

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, việc rút đơn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh ngày 26/01/2022, bị đơn ông Nguyễn Lê Châu B, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh B, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Do nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố Th, tỉnh B vào ngày 24/01/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11, 12, 13, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, nguyên đơn cũng kiên quyết xin ly hôn. Từ lời khai của nguyên đơn biết rằng hai bên không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái B1, sinh ngày 24/11/2014. Trong đơn xin ly hôn ngày 04/01/2022, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hiện nay con chung do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn không lên Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung, nguyên đơn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Con

chung có nguyện vọng được sống với nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm: Quyết định về việc bổ nhiệm và xếp lương số 1207/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND thành phố Th; Quyết định về việc hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo của Phòng giáo dục và Đào tạo thành phố Th chứng minh nguyên đơn đang làm giáo viên tại Trường Tiểu học H, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thái B1, sinh ngày 24/11/2014 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung. Yêu cầu của nguyên đơn về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 11, 12, 13, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “ly hôn; tranh chấp nuôi con” của bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Lê Châu B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thái B1, sinh ngày 24/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu ông Nguyễn Lê Châu B cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007111 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- UBND phường Ph, thành phố Th, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng